

**B GIÁO D C VÀ ÀO T O
I H C ÀN NG**

NGUY N TH NG V N

**HOÀN THI N CÔNG TÁC KI M TRA THU
I V I DOANH NGHIỆP T I CHIC C THU
THÀNH PH KON TUM**

Chuyên ngành : Tài chính – Ngân hàng

Mã s : 60.34.20

TÓM T TLU NV NTH CS QU NTR KINH DOANH

à N ng – N m 2012

Công trình c hoàn thành t i

I H C À N NG

Ng i h ng d n khoa h c: **PGS. TS. Lâm Chí D ng**

Ph n bi n 1: **T.S H H u Ti n**

Ph n bi n 2: **T.S Nguy n H u D ng**

Lu n v n ã c b o v tr c H i ng ch m Lu n v n t t
nghi p th c s Qu n tr Kinh doanh h p t i i h c à N ng ngày
03 tháng 02 n m 2013.

Có th tìm hi u lu n v n t i:

- Trung tâm thông tin - H c li u, i h c à N ng
- Th vi n tr ng i h c kinh t , i h c à N ng

M U

1. Tính cấp thiết của tài:

V công tác quản lý thu , trọng tâm các cách thu b c hai là pháp chế hóa y , toàn diện hóa t ng quản lý thu . Dân chủ hoá vì c kê khai tính thu , n p thu t i n t i các i t ng n p thu t kê khai, t tính thu , n p thu ; nâng cao ý th c t giác và trách nhiệm pháp lý c a các i t ng n p thu . Phát huy cao vai trò kiểm tra, thanh tra c a ngành thu .

Doanh nghiệp làm t trong nh ng i t ng n p thu ch l c, là l c l ng t o ra ngu n thu c b n c a ngân sách nhà n c, vì các lo i thu a d ng, tính ch t ph c t p. Do ó vai trò, v trí c a công tác kiểm tra thu trong n i dung quản lý thu i v i doanh nghiệp ngày càng c t ng c ng.

T i Chi c c Thu TP. Kontum trong nh ng n m qua, công tác kiểm tra thu i v i Doanh nghiệp ã c coi trọng úng v i vai trò, v trí c a nó. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai th c hi n v n còn nh ng v n t n t i, h n ch , nh ng i m b t c p c n ph i c kh c ph c, hoàn thi n. M t khác, vì c nghiên cứu v tài này t i Chi c c Thu TP Kontum v n ch a c t i n hành. Vì v y, h c viên ã m nh d n ch n tài ***“Hoàn thi n công tác kiểm tra thu i v i Doanh nghiệp t i Chi c c Thu TP Kontum”*** làm tài lu n v n t t nghiệp p c a mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu của tài

- Phân tích, ánh giá th c tr ng công tác kiểm tra thu i v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum , ch ra nguyên nhân c a h n ch trong công tác kiểm tra thu i v i DN, và xu t các gi i pháp nh m hoàn thi n công tác kiểm tra thu i v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum.

3. **i t ng và ph m vi nghiên c u**

3.1. *i t ng nghiên c u:* Lu n v n nghiên c u nh ng v n lý lu n liên quan n công tác ki m tra thu i v i DN và th c ti n công tác ki m tra thu i v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum

3.2. *Ph m vi nghiên c u:* T p trung nghiên c u v công tác ki m tra thu i v i DN ho t ng theo lu t doanh nghi p mà không nghiên c u i v i h và cá nhân kinh doanh.

4.Ph ng pháp nghiên c u:

Lu n v n l y ch ngh a duy v t bi n ch ng làm c s ph ng pháp lu n. S d ng k t h p các ph ng pháp c th nh : khái quát hóa; h th ng hóa; phân tích và t ng h p; quy n p và di n d ch; i chi u, so sánh; các ph ng pháp th ng kê.

5. Câu h i nghiên c u: T p trung tr l i câu h i:

- M c tiêu, yêu c u c a vi c hoàn thi n công tác ki m tra thu i v i DN. Gi i pháp c b n nh m hoàn thi n công tác ki m tra thu i v i DN.

6. Ý ngh a khoa h c và th c ti n c a tài

óng góp v th c ti n , xu t các gi i pháp có th ng d ng t i Chi c c Thu TP Kontum, nh ng i v i nh ng Chi c c có i u ki n t ng t c ng có th tham kh o c ph n nào.

7. K t c u tài: Ngoài ph n m u, ph n k t lu n và tài li u tham kh o, g m 3 ch ng:

- Ch ng 1: C s lý lu n v ho t ng ki m tra thu i v i DN c a c quan thu

- Ch ng 2: Th c tr ng công tác ki m tra thu t i i v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum, T nh Kontum

- Ch ng 3: Gi i pháp hoàn thi n công tác ki m tra thu i v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum, t nh Kontum

8. T ng quan tài li u nghiên c u

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KẾ TÍNH THU IV DOANH NGHIỆP CÁ NHÂN QUẢN THU

1.1. TỔNG QUAN VỀ THU IV DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm và phân loại thu

Thu là một khoản đóng góp bắt buộc của các cá nhân và tổ chức cho Nhà nước theo những quy định của pháp luật, không phụ thuộc vào lợi ích cá nhân, nhằm tài trợ cho các chi tiêu của Nhà nước trong việc thực hiện các chức năng của mình.

Căn cứ theo tính chất và tính chất của thu, thu được chia thành 2 loại là thu gián tiếp và thu trực tiếp.

- Thu gián tiếp là loại thu gián tiếp thu vào người tiêu dùng thông qua hành vi tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ.

- Thu trực tiếp là loại thu đánh trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của các pháp nhân, tự nhiên;

Căn cứ theo đối tượng đánh thuế, thuế được chia thành các nhóm sau:

- Thu GTGT, TT B, thu XNK...

- Thu đánh vào thu nhập như thu TNDN, thu thu nhập cá nhân.

- Thu nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp...

1.1.2. Các loại thu trong doanh nghiệp

a. Thu TNDN: Thu TNDN là một loại thu trực tiếp, đánh trên phần thu nhập chịu thuế của các cá nhân và tổ chức kinh doanh theo luật định.

b. Thu GTGT: Thu GTGT là một số thuế gián tiếp do người mua phải trả khi mua hàng hóa hoặc dịch vụ từ người bán. GTGT của mỗi khâu lưu thông hàng hóa và dịch vụ.

c. Thuế tiêu thụ bất động sản

Thuế tiêu thụ bất động sản là số thuế đánh vào việc tiêu dùng bất động sản.

m t hàng thu c danh m c hàng hóa, d ch v ch u thu theo quy nh c a t ng n c.

d. Thu tài nguyên: Thu tài nguyên là m t kho n thu b t bu t i v i các t ch c và cá nhân có ho t ng khai thác nh ng tài nguyên thiên nhiên thu c i t ng ch u thu theo lu t nh.

. *Thu xu t, nh p kh u...*

1.2. KI M TRA THU I V I DOANH NGHIỆP

1.2.1. Khái ni m ki m tra thu : Ki m tra thu là m t trong nh ng n i dung c a qu n lý thu .

Ki m tra thu là vì c c quan Thu t i n hành ki m tra tính y , chính xác c a các thông tin, tài li u trong h s thu nh m ánh giá s tuân th pháp lu t v thu c a ng i n p thu .

1.2.2. Các hình th c ki m tra thu i v i DN

Vi c ki m tra thu có th c ti n hành d i nhi u hình th c a d ng. Có th phân lo i các hình th c này theo nhi u tiêu th c khác nhau:

a. C n c vào tính ch t k ho ch c a ho t ng ki m tra

- Ki m tra thu theo ch ng trình, k ho ch c ti n hành theo ch ng trình, k ho ch ã c phê duy t.

- Ki m tra thu t xu t c ti n hành khi phát hi n ng i n p thu thu c a bàn qu n lý có d u hi u vi ph m pháp lu t thu ; theo yêu c u c a vi c gi i quy t khi u n i, t cáo....

b. C n c ph m vi ki m tra thu

* *Ki m tra thu toàn di n:* là ho t ng ki m tra c ti n hành trên t t c các v n có liên quan n vi c tuân th pháp lu t thu c a ng i n p thu . Nh t t c các s c thu ; nhi u k tính thu

* *Ki m tra h n ch :* Ki m tra h n ch là lo i ki m tra có gi i h n v ph m vi và n i dung , nh ki m tra m t ho c m t s s c thu ; ki m tra m t s ch tiêu nh t nh....

c. Các trình tự thi gian

d. Các vào aim tin hành kiểm tra

* Kiểm tra thu t i tr s c quan qu n lý thu

* Kiểm tra thu t i tr s c a Doanh nghi p

1.2.3. Nội dung công tác kiểm tra thu c a c quan thu

a. iv i kiểm tra t i tr s c quan thu

- Kiểm tra tính ch t y , úng n và k p th i c a vi c ghi chép ph n ánh các ch tiêu trong H s khai thu .

Tr ng h p phát hi n ng i n p thu không ghi chép, ph n ánh y , úng n và k p th i các ch tiêu trong h s khai thu , cán b kiểm tra thu ph i báo cáo Th tr ng c quan Thu ra thông báo yêu c u ng i n p thu b sung các ch tiêu ch a ph n ánh ho c ph n ánh sai trong h s khai thu .

- Kiểm tra các c n c tính thu xác nh s thu ph i n p; s tin thu c mi n, gi m; s tin hoàn thu ... theo ph ng pháp i chỉ u, so sánh:

- Kiểm tra, i chỉ u Báo cáo tình hình ch p hành vi c in, phát hành, qu n lý, s d ng hóa n bán hàng hóa d ch v theo quy nh.

b. iv i kiểm tra t i tr s ng i n p thu t p trung vào các

n i dung tr ng tâm sau:

- Kiểm tra tính h p pháp, h p l c a ch ng t u ra, u vào; có i chỉ u so sánh v i s li u trên T khai, các quy nh c a pháp lu t thu ; Kiểm tra c n c xác nh các ch tiêu liên quan n t ng lo i thu mà DN ph i n p nh :

+ iv i thu TNDN: Doanh thu tính thu ; T ng thu nh p ch u thu ; Chi phí c kh u tr ; ...

+ i v i thu GTGT: C n c tính thu GTGT u ra, thu GTGT u vào; ...

+ i v i thu Tài nguyên: s n l ng tài nguyên th ng ph m khai thác; giá tính thu i v i t ng lo i tài nguyên...

- Ki m tra tình hình qu n lý, phát hành và s d ng hóa n t in;

- Ki m tra s thu c hoàn, c kh u tr , c mi n, gi m theo quy nh.

- Ki m tra tình hình ch p hành ngh a v thu i v i DN ã gi i th .

1.2.4. Vai trò c a ki m tra thu

- Vai trò b o m s tuân th các quy nh pháp lu t thu t phía nh ng ng i n p thu và c phía c quan thu c ng nh công ch c thu .

- Vai trò t v n, h ng d n ng i n p thu nâng cao hi u bi t và k n ng th c hi n t t các yêu c u c a c quan thu ;

- Vai trò hoàn thi n chính sách, quy trình, th t c

1.2.5. Tiêu chí ánh giá ho t ng ki m tra thu

a. K t qu th c hi n k ho ch ki m tra v s l ng

- T l hoàn thành ki m tra h s khai thu so v i s h s khai thu ph i ki m tra t i Tr s c quan Thu

- T l hoàn thành k ho ch v ki m tra thu t i tr s ng i n p thu

b. K t qu phát hi n vi ph m và x lý qua ki m tra

* *i v i ho t ng ki m tra t i c quan qu n lý thu*

- T l h s khai thu c ch p nh n

- T l h s khai thu không c ch p nh n:

Trong ó:

+ T l h s khai thu ph i khai i u ch nh, b sung.

+ T l h s khai thu ngh n nh thu

+ T l h s khai thu ngh ki m tra thu t i tr s ng i

n p thu

+ T l DN sai ph m v in, qu n lý, phát hành, s d ng và báo cáo hóa on t in.

* *i v i ho t ng ki m tra thu t i tr s ng i n p thu*

- T l i t ng n p thu b x lý vi ph m so v i t ng s ng i n p thu c ki m tra

- T l s thu truy thu trên t ng s thu thu

- T l s ti n ph t do phát hi n vi ph m qua ki m tra

- T l s thu huy ng thêm và x lý so v i t ng s cu c ki m tra t xu t công th t thu;

- T l DN s d ng hóa n b t h p pháp và s d ng b t h p pháp hóa n trên t ng s cu c ki m tra;

- T l s thu thu h i hoàn so v i t ng s thu ã hoàn theo h s c a DN

Ngoài ra, ho t ng ki m tra thu còn c ánh giá qua các tiêu chí mang tính nh tính sau:

- *Tác ng c a ho t ng ki m tra thu trong vi c nâng cao ý th c tuân th pháp lu t thu c a các Doanh nghi p*

- *Th c hi n c i cách hành chính trong ho t ng ki m tra thu*

1.3. CÁC NHÂN T NH H NG N HO T NG KI M TRA THU

1.3.1. Các nhân t bên ngoài c quan quan lý thu

a. Môi tr ng kinh t v mô và môi tr ng kinh t thu c a bàn qu n lý c a c quan qu n lý thu

b. Môi tr ng pháp lý

c. Môi tr ng xã h i

d. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của các đối tượng nộp thuế

1.3.2. Các nhân t n i t i c quan qu n lý thu

- a. *Nội quy quản lý nội bộ các quan quản lý thu*
- b. *Ngũ nhân lực*
- c. *Khuyến khích ứng dụng công nghệ trong kiểm tra thu*

K T L U N C H N G 1

C H N G 2

T H C T R N G C Ō N G T Á C K I M T R A T H U I V I D O A N H N G H I P T I C H I C C T H U T P K O N T U M , T N H K O N T U M

2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CHI C C THU THÀNH PH KONTUM

2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của Chi c c Thu Kontum

Chi c c Thu thành ph Kon Tum c thành l p theo Quy t nh s 342 TC/Q -TCCB ngày 08/9/1991 c a B tr ng B Tài chính.

.....

2.1.2. C c u t c h c

Chi c c Thu Thành Ph Kon Tum, thu c C c Thu t nh Kontum c t c h c thành 13 i thu .

Hi n nay, t ng s CBCC Chi c c Thu là 97 ng i, trong ó: biên ch là 88 ng i và cán b h p ng là 9 ng i. Trong t ng biên ch , có 01 Chi c c tr ng, 03 Phó Chi c c tr ng, 11 i tr ng, 02 Phó i tr ng ph trách và 07 Phó i tr ng

2.1.3. c i m v a b à n q u ả n lý thu c a Chi c c Thu TP Kontum

a. c i m v i t ng n p thu

- Nhóm các DN nh và v a (kho ng 700) thu c khu v c kinh t t nhân
- H cá th s n xu t kinh doanh (Kho ng 3.700)
- Các t c h c chính tr , chính tr xã h i...(120 n v)

b. c i m v chính sách u ãi

- c áp d ng thu su t 10% trong th i h n 15 n m k t khi thành l p (thu su t ph thông là 25%);
- c mi n 4 n m k t khi có thu nh p ch u thu và gi m 50% cho 9 n m ti p theo.

2.1.4. Khái quát v k t qu thu thu qua các n m

N m 2009 v t d toán thu là 65,1% d toán pháp l nh do T ng C c Thu phân b , và v t 31,8% d toán thu ngân sách Thành ph do H i ng nhân dân thành ph giao. N m 2010 v t 62,6% d toán pháp l nh, t 91% d toán H ND. Qua n m 2011, do tình hình kinh t khó kh n, t ng thu ngân sách th c hi n ch t 92% so v i d toán pháp l nh và 60% d toán thu ngân sách TP do H ND giao.

T ng thu ngân sách c ng t ng tr ng nhanh qua các n m, ngo i tr n m 2011. N m 2009, s thu ngân sách t ng 88,1% so v i n m 2008 và n m 2010 t ng 75% so v i n m 2009. Tuy nhiên, n m 2011 ch t 78,1% n m 2010.

2.2. TH C TR NG CÔNG TÁC KI M TRA THU T I CHI C C THU TP KONTUM, T NH KONTUM TRONG TH I GIAN QUA

2.2.1. c i m các DN thu c a bàn qu n lý c a Chi c c Thu TP Kontum

(B ng 2.2. S DN thu c i t ng qu n lý thu c a Chi c c Thu TP Kontum tính n 31/12/2011)

T ng s DN thu c i t ng qu n lý thu c a Chi c c là 678 tính n cu i tháng 12/2011. Trong s ó, xét v lo i hình s h u thì chi m t tr ng nhi u nh t là Công ty TNHH (72,41%), k ó là DN t nhân, chi m 20,5%. T ng s các DN thu c lo i hình khác là 48, chi m 7,07%.

N u phân lo i các DN theo ngành ngh ì s DN ho t ãng TM – DV chi m t tr ãng cao nh t (48,52%), k ãn thu c ngành xây d ãng (34,52%).

K t qu thu thu ì v i DN t 2009 – 2011 :

B ãng 2.4. K t qu thu ãng s ách ì v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum trong ba n m (2009 – 2011)

VT:tr , %

	2009		2010		2011	
	S t i n	TT (%)	S t i n	TT (%)	S t i n	TT (%)
1. T ãng thu	46.229	100	61.235	100	58.404,8	100
Trong ó:						
-Thu GTGT	42.272	91,44	56.151	91,69	53.363,9	91,36
-Thu TNDN	2.637	5,7	3.596	5,8	3.695,1	6,32
- Thu TN	336	0,72	310	0,506	331,6	0,56
-Thu TT B	106	0,22	91	0,14	37,3	0,06
- Thu môn bài	587	1,26	701	0,11	799,5	1,36
- Khác	294	0,63	411	0,67	177,4	0,3

Ng u n: Báo cáo c a Chi c c Thu TP Kontum

- S c thu óng góp nhi u nh t cho ãng s ách là thu GTGT. C ba n m u t t tr ãng trên 91%.

- Thu TNDN óng góp m t t l khiêm t n. N m cao nh t ch chi m 6,32%. ì u này là do s DN c mi n, gi m thu thu nh p DN chi m t l khá cao.

- Thu tiêu th c bì t chi m t l quá th p ch 0,1%

2.2.2. T ãch c công tác k i m tra thu ì v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum

a. Ch c n ãng, nhi m v , c c u t ch c c a b ph n k i m tra

thu t i Chi c c Thu TP Kontum

b. T ch c th c hi n quy trình ki m tra thu i v i DN t i Chi c c Thu TP Kontum

Hàng năm, Chi cục Thuế tổ chức xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế:

+ i v i ki m tra thu t i tr s Chi c c Thu : T i Chi c c Thu TP Kontum, m c tiêu t ra là t t c h s khai thu u ph i c ki m tra.

+ i v i ki m tra thu t i tr s DN: K ho ch hàng n m c l p tr c ngày 25/11 và g i v C c Thu . Sau ó C c Thu xem xét, t ng h p toàn ngành và g i v T ng C c Thu phê duy t tr c ngày 20/12.

Sau khi k ho ch ã c phê duy t, t ch c th c hi n k ho ch ki m tra:

- i v i vi c ki m tra t i tr s Chi c c Thu :

+ Ki m tra vi c ghi chép ph n ánh các ch tiêu trong h s khai thu xem vi c ghi chép, ph n nh y không; Ki m tra các c n c tính thu xác nh s thu ph i n p; s tí n thu c mi n, gi m; s tí n hoàn thu ; Ki m tra tình hình in, phát hành, qu n lý và s d ng hóa n t in.

...

- i v i vi c ki m tra t i tr s DN:

+ i v i tr ng h p ng i n p thu không gi i trình, b sung thông tin, tài li u theo thông báo c a Chi c c Thu ;

+ Ki m tra hoàn thu .

.....

2.2.3. K t qu th c hi n k ho ch ki m tra thu v s l ng

a. T l hoàn thành ki m tra h s khai thu so v i s h s khai thu ph i ki m tra t i tr s c quan Thu

Bảng 2.5. Tình hình hoàn thành kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở Chi cục Thuế

	Số lượng Hàng hóa nộp	Số lượng phi kiểm tra theo kế hoạch	Số lượng hàng hóa kiểm tra	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
Năm 2009	8112	1429	1429	100
Năm 2010	10020	3727	3727	100
Năm 2011	11560	11560	11507	99,51

(Nguồn: Báo cáo công tác kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế năm 2009-2011)

- Tỷ lệ hàng hóa kiểm tra so với số lượng hàng hóa nộp trong 2 năm 2009 và 2010 lần lượt là: 17,61% và 37,19%.

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch kiểm tra trong hai năm 2009 – 2010 đạt 100%. Riêng năm 2011 giảm 100% (99,51%) với số lượng hàng hóa khai thuế kiểm tra thực tế lên đến 11.507 hàng hóa, tăng 210% so với năm 2010 và tăng 708% so với năm 2009.

b. Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về kiểm tra thuế tại trụ sở ngành nộp thuế

Bảng 2.6. Tình hình hoàn thành kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở DN

Năm	Số DN kiểm tra trong năm theo kế hoạch thực duy trì	Số DN thực tế hàng hóa kiểm tra trong năm	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Năm 2009	28	40	142,8
Năm 2010	46	55	119,6
Năm 2011	84	103	122,6

(Nguồn: Báo cáo công tác kiểm tra thuế tại trụ sở DN năm 2009-2011)

2.2.4. Kết quả phát hiện vi phạm và xử lý qua kiểm tra

a. *iviho t ng ki m tra t i c quan qu n lý thu*

B ng 2.7. Kết quả phát hiện vi phạm và xử lý qua kiểm tra t i tr s Chi c c Thu

N m	S HS khai thu c ch p nh n		S HS khai thu gi i trình, khai i u ch nh, b sung		S HS khai thu ngh n nh thu		S HS khai thu ngh ki m tra t i tr s DN n p thu	
	T ng s	TT (%)	T ng s	TT (%)	T ng s	TT (%)	T ng s	TT (%)
2009	1266	88,5	123	10,8	0	0	40	2,7
2010	3505	93,9	167	4,4	0	0	55	1,5
2011	10809	93,9	593	5,1	2	0,017	103	0,9

Nguồn: Báo cáo công tác kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế năm 2009-2011

- V phát hiện các sai phạm trong in, qu n lý, phát hành, s d ng và báo cáo hóa n t in theo ch m i v in, qu n lý, phát hành, s d ng và báo cáo hóa n t in c áp d ng b t bu c t ngày 01/01/2011:

T ng s DN 678; S DN ph i n p báo cáo là 605; S DN ã n p báo cáo và c ki m tra là 586. Trong ó: ch p nh n 544 và yêu c u gi i trình là 41; phát hiện 3 tr ng h p vi phạm, x ph t 82 tri u ng.

(B ng 2.8. Kết quả phát hiện vi phạm và xử lý vi phạm v in, qu n lý, phát hành, s d ng và báo cáo hóa n t in t i tr s C quan thu)

b. *iviho t ng ki m tra thu t i tr s ng i n p thu*

Bảng 2.9. Kết quả phát hiện vi phạm và xử lý qua kiểm tra thuế DN

	2009	2010	2011
1. Số lượng DN kiểm tra trong năm (lần)	40	55	103
2. Số DN bị xử lý (DN)	39	55	102
3. Tổng số tiền truy thu (tr.)	1193	1268,9	2897,8
4. Tổng số tiền phạt (tr.)	393,37	413,62	1062,5
5. Số thu thu hồi hoàn (trong kiểm tra hoàn thu VAT) –tr.	32,51	44,72	347,13

Nguồn: Báo cáo công tác kiểm tra thuế và xử lý DN năm 2009-2011

Tổng số DN qua kiểm tra bị phát hiện vi phạm pháp luật về thuế và bị xử lý chiếm tỷ lệ rất cao. Năm 2009 tỷ lệ này là 97,5%, năm 2010 là 100%, năm 2011 là 99,03%.

Tổng số tiền truy thu và phạt về vi phạm về thuế tăng cùng với số DN bị kiểm tra. Tuy nhiên, khi tính trung bình trên một DN bị xử lý, thì năm 2010 có mức giá trị khá nhỏ (số thu truy thu trung bình một DN của năm này là 23,07 tr. ; số tiền phạt trung bình của một DN là 7,52 tr.); số liệu của hai năm 2009 và 2011 là xấp xỉ (Năm 2009 lần lượt là 30,6 tr. và 10,08 tr. ; năm 2011 lần lượt là 28,4 tr. và 10,41 tr.).

Từ năm 2011, kết quả kiểm tra và xử lý nghiêm phạt về vi phạm thuế chiếm mức độ gia tăng đáng kể, phát hiện 4 DN sản xuất hóa chất bị phạt, chiếm tỷ lệ 0,66% và 1 DN sản xuất hóa chất, chiếm tỷ lệ 0,16%. Tổng phạt 88 triệu đồng.

(Bảng 2.10. Kết quả phát hiện vi phạm và xử lý vi phạm về sản xuất hóa chất qua kiểm tra thuế DN)

2.2.5. Tác động của hoạt động kiểm tra thu trong việc nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của các Doanh nghiệp

2.2.6. Vấn đề hiện tại cách hành chính trong hoạt động kiểm tra thu

2.3. ÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TRA THU TẠI CHI CỤC THUẾ TP KONTUM

2.3.1. Nhiệm vụ thành công

2.3.2. Những điểm hạn chế trong công tác kiểm tra thu thực tiễn qua và nguyên nhân những hạn chế

a. Những điểm hạn chế

** Chất lượng kiểm tra hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế và kiểm tra tại trụ sở DN dù đã được nâng cao qua các năm, nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề, chưa đạt yêu cầu mong muốn. Cụ thể:*

- Kiểm tra phân tích và nhận biết rủi ro trong công tác kiểm tra hồ sơ thuế còn yếu. Chẳng hạn:

+ Với kiểm tra thuế khai thuế GTGT hàng tháng ít chú trọng vào việc chỉ ra vấn đề doanh thu kê khai thuế TNDN hàng quý, hay quy tắc toán thuế TNDN năm. Việc phát hiện số thuế còn thi thuế ngộp bị chếm hoặc đôi khi không phát hiện, gây khó khăn trong theo dõi xử lý, có khi mất sự đồng ý của người nộp thuế.

+ Một số mặt hàng kinh doanh thông mị như in thoi, xe máy,... chưa có biện pháp thích hợp nhằm phát hiện và yêu cầu kê khai đúng thực tế bổ sung tăng giá;

+ Trong phân tích báo cáo tài chính năm, chưa phân tích được một cách sâu sắc về thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN.

+ Việc khai thác công trình quản lý thuế tại Chi cục Thuế vẫn còn một số bất cập, nên cần phân tích các mặt số cần bổ sung kiểm tra vẫn còn hạn chế.

- M t s h s ki m tra còn s sài, i phó.
- Ch a th ng xuyên i chi u và xác minh hóa n u vào, u ra, ..
- M t s y u t u vào, ôi khi ch a th t s y c n c h p lý, ch a c xác minh y ngu n g c hàng hóa t i các t nh thành khác.
- Quá trình ki m tra t i Tr s DN, vì th i gian ki m tra ng n, do ó nên r t th ng trong vi c làm rõ c n c tính thu .

* Cách th c x lý sau ki m tra v n còn m t s h n ch :

- Các Thông báo yêu c u gi i trình H s khai thu ch a a các ch s phân tích đ c, phân tích ngang
- Ch a th ng xuyên n nh thu
- Ch a th ng xuyên ti n hành ki m tra t xu t t i Tr s ng i n p thu .

* Th i gian ki m tra t i tr s ng i n p thu dù ã c rút ng n nh ng v n b kéo dài, bình quân trên 25 ngày/DN, đ n n ti n th c hi n theo k ho ch c duy t ch m.

* Quá trình ki m tra th ng t p trung ki m tra s c thu GTGT, ít quan tâm n các s c thu khác nh Thu tài nguyên, Thu môi tr ng,...

* Bình quân s thu x lý sau m t cu c ki m tra còn th p, ch a phát huy t t vai trò ki m tra t ng ngu n thu NSNN.

b. Nguyên nhân c a nh ng h n ch

* Nguyên nhân bên ngoài

- V n l i đ ng nh ng k h trong chính sách ;
- V c c u ngành SXKD ;
- V ý th c ch p hành Pháp lu t thu

* *Nguyên nhân bên trong*

V phía các nguyên nhân thu c v Chi c c Thu TP Kontum có th khái quát thành 2 nguyên nhân ch y u:

- Chia áp dụng các yêu cầu về nguồn nhân lực các v s
l ngl n ch t l ng.

- B t c p trong t ch c khai thác các ng d ng công ngh

K T LU N CH NG 2

CH NG 3

GI I PHÁP HOÀN THI N CÔNG TÁC KI M TRA THU I V IDNT ICHIC C THU TP KONTUM

3.1. NH H NG HOÀN THI N CÔNG TÁC KI M TRA THU I V IDNT ICHIC C THU TP KONTUM

3.2. GI I PHÁP HOÀN THI N CÔNG TÁC KI M TRA THU I V IDNT ICHIC C THU TP KONTUM

3.2.1. B sung v s l ng và nâng cao ch t l ng cán b làm công tác ki m tra thu

Ph n u d n n 2015 ph i t 30%.

ào t o, hu n luy n k n ng nghi p v

.....

3.2.2. Nâng cao ch t l ng ki m tra thu

Xây d ng h th ng d li u, t ch c h th ng thu th p và ki m
ch ng thông tin.

Nâng cao k n ng c và phân tích báo cáo tài chính DN; V
ph ng pháp phân tích báo cáo tài chính, c n ph i mô hình hóa vi c
phân tích,; th ng xuyên b sung vào kho tình hu ng ph bi n, rút
kinh nghi m...

Vi c i chi u, so sánh d li u nh m phát hi n sai ph m có th
th c hi n theo các h ng c b n sau:

- So sánh th ng xuyên gi a các DN cùng ngành ngh cùng qui
mô kinh doanh.

- Tách các tài sản công tác để chi trả và xác minh hóa đơn vào, ngoài ra, nguồn gốc hàng hóa tại các thành phần khác.

....

3.2.3. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong các khâu của công tác kiểm tra thuế

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong công tác kiểm tra thuế. Nội dung Chi cục Thuế nên hành động như sau:

- Tiếp nhận kiến thức và kỹ năng

- Xây dựng và hoàn thiện phương pháp lập kế hoạch và cách thức lựa chọn các DN để kiểm tra hồ sơ khai thuế trực quan thuế trên cơ sở phân tích và nhận định rủi ro. Song song với công việc này, cần tiến hành xây dựng hệ thống tiêu chí phân tích, nhận định rủi ro. Trên cơ sở đó, chuyển hóa thành các tiêu thức phân loại DN theo mức độ rủi ro về thuế; vận dụng các tiêu thức phân tích, đánh giá rủi ro kê khai thuế phục vụ cho việc kiểm tra, rà soát thuế xuyên hồ sơ khai thuế, hoàn thuế.

Có cơ sở xây dựng hệ thống tiêu chí phân tích đánh giá, nhận định rủi ro phục vụ hiệu quả công tác kiểm tra thuế, Chi cục Thuế cần triển khai các biện pháp cụ thể sau:

+ Tiến hành xác minh hóa đơn mua sắm trang thiết bị có dấu hiệu xu hướng hóa đơn giá bán thấp, hóa đơn tẩy xóa, hóa đơn không đúng quy định; xác minh thông tin về hóa đơn tại các nhà in; Phối hợp với Cơ quan Thuế tại mua sắm thành phần khác xác minh thông tin mua sắm trang thiết bị hàng hóa mua vào và sử dụng làm, hóa đơn có series nháp,...

Biện pháp này giúp giảm thiểu rủi ro về sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

+ i v i m t h à n g i n m á y , i n t h o i , x e m á y , ... l a c h n t i n h à n h x á c m i n h u r a t i m t s t h i i m t h e o g i á m u a h à n g h ó a m à n g i t i ê u d ù n g c u n g c p ; i v i n à h à n g t c h c t i c c i , l h i t i n h à n h y ê u c u c á c c s k i n h d o a n h i n t h i p c u n g c p t h o n g t i n v n g i t h u ê d c h v t i n .

B i n p h á p n à y , g i ú p l o i t r r i r o v ì n g i m u a h u n h k h o n g l y h ó a n , k h o n g k i m s ó á t c d o a n h t h u v h à n g t i ê u d ù n g b á n v i g i á c a o , n h n g k h i x u t h ó a n k ê k h a i t h u t h i v i g i á t h p ; k h i k ê k h a i t h u v h o t n g c u n g c p d c h v t c h c t i c c i , l h i t h i k h o n g k ê k h a i .

+ T h t h n g T k h a i t h u , n m t h o n g t i n v n g i c u n g n g h à n g h ó a t i c á c t n h t h à n h k h á c , y ê u c u c u n g c p t h o n g t i n v à x á c n h n g i a o d c h v h p n g , t h a n h l ý h p n g k i n h t ; i c h i u c o n g n , i c h i u p h á t s i n h ; t h i h n t h a n h t o á n v à p h n g t h c t h a n h t o á n . n g t h i , y ê u c u c á c N g â n h à n g T h n g m i c u n g c p t h o n g t i n c á c g i a o d c h t h a n h t o á n g i a D N v i c á c n à h c u n g c p n ó i t r ê n .

B i n p h á p n à y , g i ú p C h i c c T h u l o i t r r i r o v D N k i n h d o a n h n g o à i h t h n g s s á c h k t o á n , d u d o a n h t h u v à t r n t h u ; m t k h á c l o i t r c á c t r n g h p m u a h à n g h ó a t h a n h t o á n b n g t i n m t n h n g v n k ê k h a i k h u t r t h u u v à o (t h e o q u i n h : h à n g h ó a m u a v à o c ó g i á t r t 20 t r i u n g b u t p h i t h a n h t o á n q u a n g â n h à n g t h i m i c k h u t r t h u , c h o à n t h u) .

+ X â y d n g h t h n g c á c t i ê u c h í d a t r ê n t h o n g t i n d l i u q u y c h u n c a c á c S , N g à n h v à t h o n g t i n t n g x n g t c á c D N t n g n g m a n g t í n n n h v c á c n h m c t i ê u h a o v t t , n g u y ê n n h i ê n v t l i u l à m c s s o s á n h á n h g i á m c h p l ý k h i D N q u y t t o á n c h i p h í x á c n h t h u T N D N , t h u T à i n g u y ê n . C t h :

* Chi phí tiêu hao nhiên liệu của DN hoạt động vận tải; chi phí tiêu hao nhiên liệu của DN hoạt động khai thác thuê, DN hoạt động XDCB (tính trên 01 ca máy).

* Chi phí tiêu hao nhiên liệu, năng suất liên quan xác định thu Tài nguyên môi trường khai thác tài nguyên, nguyên liệu sản xuất sản phẩm, nhả khí, cát, á, s i.

* Chi phí lương, nhân công làm các xác định thu TNDN.

+ Kiểm tra 100% các DN đã ghi nhận nợ có số thu phát sinh liên quan, còn nợ thu. Xác minh rõ tình trạng nhân thân, trách nhiệm pháp lý liên quan trách nhiệm và nghĩa vụ thu trong thời gian hoạt động và sau khi ghi nhận.

- Coi trọng công tác tăng cường kinh nghiệm và việc áp dụng các kỹ thuật quản lý rủi ro.

- Nâng cao năng lực khai thác các nguồn trong chương trình quản lý thu tài chính.

3.2.4. Tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn

Phối hợp các bên hữu quan như: Ngân hàng, Kho bạc, Kiểm toán, Quản lý thuế, Tài nguyên môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra, công an, toà án, ...

thực hiện tốt việc phối hợp với các cơ quan hữu quan trên địa bàn phục vụ công tác kiểm tra thu thuế và DN, về phía Chi cục Thuế cấp tỉnh:

+ Tiến hành mô tả rõ ràng và yêu cầu các nội dung phối hợp với từng cơ quan. Cụ thể:

* Đối với S KH& T: Trao đổi thông tin giữa Chi cục Thuế và S KH& T trong việc xác định thông tin số hóa về tài sản, thông tin về pháp nhân và các thành viên công ty, ...

* Đối với S TN&MT: rà soát thông tin về mặt, trình độ

phép khai thác, thí nghiệm khai thác ...

* **ivic** quan ngại kim: liên quan phòng ngừa môi trường và DN...

* **ivic** quan Công an: tích cực xử lý tra xác minh và xử lý các DN có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng PL thu * **V** i Tòa án: xác minh tình trạng phá sản của DN theo Luật phá sản và vi phạm DN môi trường kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế.

* **iv** ngành Kho bạc: Phối hợp với quan Kho bạc Nhà nước, thông xuyên trao đổi cung cấp thông tin về DN hoạt động xây dựng cơ bản để trích nộp thuế 2% thu GTGT trên tổng giá trị công trình để thanh toán vào NSNN để kịp thời.

* **iv** các hoạt động phòng ngừa rủi ro: Phối hợp thành lập đoàn kiểm tra chống thất thu trong lĩnh vực khai thác tài nguyên khoáng sản, bao gồm các quan: Thuế, Tài nguyên & Môi trường, Quản lý thị trường, Chính quyền, và Công an.

+ Trên cơ sở đó, tiến hành bàn bạc, thỏa thuận và xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp có tính nguyên tắc trong việc phối hợp tác động lẫn nhau...

3.2.5. Nâng cao ý thức và năng lực tuân thủ pháp luật về thuế cho DN trên địa bàn

3.2.6. Tiếp tục cải cách hành chính, rút ngắn thời gian kiểm tra, hoàn thiện khâu xử lý sau kiểm tra

3.3. KINH NGH

3.3.1. Kinh nghiệm về Thuế C c Thu

- Thuế C c Thu các ngành nên tham mưu sự cải thiện quy trình thuế thêm thời gian cụ thể kiểm tra.

3.3.2. Kinh nghiệm về Các Thuế thuế Kontum

- Bổ sung, tăng cường nguồn nhân lực

- Nâng cấp thẩm quyền xuyên ngành trong công trình quản lý thu, phí và có hiệu quả công tác kiểm tra thu.

- Quan tâm ào tạo biên chế, tập huấn cán bộ, viên chức kinh nghiệm mặt công tác thanh tra thu.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp có quy mô lớn do Chi cục Thuế quản lý, bổ sung kế hoạch thanh tra tại các DN này. Qua đó, vẫn có thể gián phân tích nội dung kiểm tra sâu và kỹ hơn (thời gian thanh tra 30 ngày làm việc), vẫn có hiệu quả kiểm soát thu nhập của các DN Chi cục Thuế kiểm sát, nâng cao hiệu quả kiểm tra.

3.3.3. Kiểm tra và UBND thành phố Kontum

- Quan tâm chỉ đạo sát sao các ngành khi có ngành của Chi cục Thuế.

- Cùng các giám đốc của Chi cục Thuế xuất, mang tính lâu dài, có văn bản thành lập các Sở, ngành liên quan quan tâm phối hợp xử lý các tình huống vướng mắc quản lý DN, chấp hành kiểm tra thu; ngành thì báo cáo UBND thành phố có ý kiến chỉ đạo.

3.3.4. Kiến nghị các cơ quan hữu quan trong công tác phối hợp

- Cùng với Chi cục Thuế TP Kontum xây dựng Quy chế phối hợp, cung cấp thông tin, xử lý vướng mắc của Chi cục Thuế với các quan mình; đặc biệt là Cơ quan Công an cần xây dựng Quy chế phối hợp trong đấu tranh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật thu.

- Cùng với Chi cục Thuế xây dựng công trình, kế hoạch phối hợp nhằm xuất phát từ mục 3.2.4

- Quan tâm theo dõi, ôn tập các hoạt động phối hợp theo công trình, kế hoạch đã hoạch định. Sau 6 tháng và 01 năm, có sơ kết, tổng kết, đánh giá và đưa ra các bài học kinh nghiệm trong thực hiện quy chế phối hợp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

K TLU N

Công tác kiểm tra thu là một nội dung của hoạt động quản lý thu. Hoàn thiện công tác kiểm tra thu là một vấn đề có tính lý luận và có tính thực tiễn và là một chủ đề nghiên cứu cần thiết của các nhà nghiên cứu bên ngoài cơ quan thu.

Tài liệu này “Hoàn thiện công tác kiểm tra thu ở Viện Nghiên cứu và Phát triển Chi c Thu TP Kontum” của các viên nghiên cứu, qua quá trình nghiên cứu đã tiến hành một số nghiên cứu chuyên sâu sau:

- Hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp những liên quan nội dung công tác kiểm tra thu của các quan thu ở Viện DN. Trong đó, nội dung công tác kiểm tra thu và tiêu chí đánh giá hoạt động kiểm tra thu của các quan thu ở Viện DN là trọng tâm nghiên cứu, nhằm mục đích lý luận xuyên suốt của luận văn.

- Phân tích thực trạng công tác kiểm tra thu ở Viện DN tại Chi c Thu TP Kontum trong những năm qua để thấy được những ưu điểm và nhược điểm, phân tích nguyên nhân của những hạn chế đó trong công tác kiểm tra thu tại Chi c Thu TP Kontum thời gian qua.

- Đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra thu ở Viện DN tại Chi c Thu TP Kontum, tỉnh Kontum trong thời gian tới. Nội dung cơ bản của các giải pháp đề xuất bao gồm: (1) Bổ sung và sửa đổi và nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra thu; (2) Nâng cao chất lượng kiểm tra thu; (3) Áp dụng những pháp quản lý rủi ro trong tất cả các khâu của công tác kiểm tra thu;

(4) Tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn; (5) Nâng cao ý thức và năng lực tuân thủ pháp luật về thuế cho DN trên địa bàn; (6) Tiếp tục cải cách hành chính, rút ngắn thời gian kiểm tra, hoàn thiện khâu xử lý sau kiểm tra.

Đề nghị các đơn vị kiến nghị cho vị trí nhân khai sáu nội dung pháp luật nói trên, lưu ý vận dụng linh hoạt để xử lý từng trường hợp các kiến nghị về nhân sự ngoài thẩm quyền ghi quy định của Chi cục Thuế TP Kontum. Đó là các kiến nghị về Tổng Cục Thuế; về Cục Thuế tỉnh Kontum; về UBND TP Kontum và về các cơ quan, ban ngành có quan hệ phối hợp trong công tác kiểm tra thuế của Chi cục Thuế TP Kontum.